

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/DS-ST

Ngày: 28-9-2020

V/v “tranh chấp thừa kế tài sản;
tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tư.

Ông Lữ Minh Luân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2019/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2019 về việc “tranh chấp thừa kế tài sản, tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị D - Sinh năm 1967 - Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện H, tỉnh L (Có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn Minh - Văn phòng luật sư Nguyễn Văn Minh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An. (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Văn Vũ D1 - Sinh năm 1970 và bà Lưu Thị Thanh H - Sinh năm 1971 - Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện H, tỉnh L (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Văn Vũ D1 và bà Lưu Thị Thanh H: Bà Nguyễn Thị Chân H1 - Sinh năm 1984 - Trú tại: 66/6 Võ Văn Môn, phường 4, thành phố Tân An, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền ngày 23-4-2019, Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị D2 - Sinh năm 1955 - Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện X, tỉnh Y (Có mặt).

+ Bà Lê Thị D3 - Sinh năm 1958 - Địa chỉ: ấp B1, xã P1, huyện X1, tỉnh Y (Có mặt).

+ Ông Lê Quang D4 - Sinh năm 2000 - Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện H, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Quang D4: Bà Đỗ Thị D5 - Sinh năm 1970 - Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện H, tỉnh L (Văn bản ủy quyền ngày 11-8-2019, Có mặt);

+ Bà Lê Thị D6 - Sinh năm 1974 - Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện H, tỉnh L (Có mặt).

+ Ông Lê Văn D7 - Sinh năm 1962 - Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện H, tỉnh L (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện ngày 12-3-2019, 25-3-2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày và yêu cầu:

Ông Lê Văn K (sinh năm 1925, chết năm 1994) và bà Huỳnh Thị L, (sinh năm 1928, chết năm 2004) có 07 người con gồm: Lê Thị D2, Lê Thị D3, Lê Văn D7, Lê Văn D8 (chết năm 2001, có 01 con là Lê Quang D4), Lê Thị D, Lê Văn Vũ D1 và Lê Thị D6. Ngoài ra, ông K, bà L không có con nuôi, con ngoài giá thú nào khác. Cha mẹ ruột của ông K đã chết trước ông K. Cha mẹ ruột bà L cũng chết trước bà L nhưng không xác định được năm chết. Bà L chết không để lại di chúc. Khi còn sống, bà L được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 458091, số vào sổ 00682QSDĐ/0602-LA ngày 15-12-1997 đối với 04 thửa đất 165, 166, 167, 197 tờ bản đồ số 01 xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, tổng diện tích 14.672m². Toàn bộ diện tích đất ông D1, bà H đang quản lý, sử dụng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L bà D đang giữ.

Năm 1995, sau khi ông D1 cưới bà H, bà L có tạm cho ông D1 một phần đất cất nhà ở riêng, nhưng không biết cho diện tích bao nhiêu, thuộc thửa nào. Phần diện tích đất còn lại thì bà L canh tác (thuê người làm). Sau khi bà L chết, các anh chị em của bà D thấy ông D1 khó khăn nên để cho ông D1 tiếp tục canh tác toàn bộ diện tích đất của bà L để lại đến nay. Việc thỏa thuận cho ông D1 canh tác bằng lời nói, không lập văn bản gì, chỉ cho canh tác để tăng thu nhập chứ không phải từ chối nhận thừa kế và giao cho ông D1 toàn quyền sử dụng đất. Đất là tài sản của bà L để lại chưa chia. Năm 2018, ông D1 không còn khó khăn, bà Dung, bà D3, bà D2 yêu cầu ông D1 chia thừa kế tài sản của bà L nhưng ông D1 không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Bà D yêu cầu chia tài sản thừa kế của bà L theo pháp luật là diện tích đất 14.672m² gồm 04 thửa 165, 166, 167, 197

thành 07 phần bằng nhau, mỗi người một phần 2.096m² đất. Bà Dyêu cầu nhận 01 phần là 2.096m² đất.

- *Bị đơn ông Lê Văn Vũ D1 và bà Lưu Thị Thanh H trình bày và yêu cầu:* ông D1 và bà H đồng ý phần trình bày của bà D về quan hệ huyết thống, bà L chết không để lại di chúc, khi còn sống bà L đã được Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 04 thửa 165, 166, 167, 197 tờ bản đồ số 01 xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, tổng diện tích 14.672m². Toàn bộ 04 thửa 165, 166, 167, 197 hiện ông D1 và bà H đang trực tiếp canh tác, sử dụng. Ông D1, bà H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà D, bà D3, bà D2, bà D6, ông D4 vì khi ông D1 và bà H cưới nhau năm 1995 thì bà L cho một phần đất trong tổng 14.672m² đất đang tranh chấp hiện nay để cất nhà ở riêng. Cho diện tích cụ thể bao nhiêu không biết, khi cho không làm giấy tờ và chưa làm thủ tục chuyển quyền. Ông D1, bà H cất nhà ở đến năm 2015 thì nhà cũ bị hư nên ông D1, bà H xây dựng nhà kiên cố trên nền nhà cũ do bà L để lại cũng không ai tranh chấp hay có ý kiến gì. Phần diện tích đất còn lại (sau khi đã trừ phần cho ông D1, bà H) thì bà L có nói miệng cho mỗi người con 900m² đất ruộng để canh tác nhưng cũng không làm giấy tờ. Phần còn lại giao cho ông D1, bà H và ông D8 sử dụng nhưng không làm giấy tờ và không ai có ý kiến phản đối.

Năm 2000, ông D1, bà H có mua của bà L thửa 167, diện tích 4.313 m² với giá 14.000.000 đồng. Vì điều kiện khó khăn chỉ trả cho bà L được 5.000.000 đồng, sau khi bà L chết trả tiếp 2.700.000 bằng hình thức đưa tiền xây mồ mã, còn lại chưa trả. Phần bà L cho ông D8 thì ông D1 cũng thỏa thuận mua lại từ bà D5 (vợ ông D8) với giá 2.5000.000 đồng.

Ngày 28-08-2012, tất cả anh em gồm: Lê Thị D2, Lê Thị D3, Lê Văn D7, Lê Văn D8 (chết, do vợ là Đỗ Thị D5, con là Lê Quang D4 đại diện), Lê Văn Vũ D1, Lê Thị D, Lê Thị D6 thống nhất ký tên cho ông D1 trọn quyền sử dụng đất diện tích 14.672 m². Vì vậy ông D1, bà H tiếp tục canh tác, cải tạo và sử dụng đất đến nay. Tổng diện tích 14.672 m² là tài sản mà anh chị em đã thống nhất cho ông D1, bà H không phải là di sản thừa kế của bà L nên ông D1, bà H không đồng ý phân chia thừa kế theo yêu cầu của bà D, bà D3, bà D2, bà D6, ông D4. Ông D1 yêu cầu công nhận toàn bộ diện tích 14.672 m² gồm 04 thửa 165, 166, 167, 197 tờ bản đồ số 01 xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An là tài sản của ông D1, bà H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị D3, Lê Thị D2, Lê Thị D6, Lê Quang D4 (do bà Đỗ Thị D5 đại diện) trình bày:*

Thống nhất với nội dung bà D, ông D1 trình bày về quan hệ huyết thống, bà L chết không để lại di chúc. Các thửa 165, 166, 167, 197 bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng hiện ông D1, bà H đang trực tiếp quản lý toàn bộ, bà D giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà D3, bà D2, bà D6, bà D5 không đồng ý nội dung bà L có bán đất cho ông D1, không đồng ý nội dung ông D1 trả thêm 2.700.000 đồng bằng hình thức đưa tiền xây mồ mã, không thừa nhận có ký tên vào

biên bản họp gia đình ngày 28-08-2012, không đồng ý yêu cầu công nhận 14.672m² đất gồm 04 thửa 165, 166, 167, 197 là tài sản của ông D1, bà H. Bà D3, bà D2, bà D6 yêu cầu chia thừa kế tài sản của bà L theo pháp luật gồm 04 thửa 165, 166, 167, 197 tổng diện tích 14.672m² thành 07 phần bằng nhau. Bà D3, bà D2, bà D6 mỗi người yêu cầu nhận một suất thừa kế bằng 2.096m² đất. Ông D4 yêu cầu nhận 01 suất thừa kế từ ông D8 là 2.096m² đất.

Ông Lê Văn D7 trình bày: Ông D7 đồng ý phần trình bày của bà D, ông D1 về quan hệ huyết thống, bà L chết không để lại di chúc. Ngoài 07 người con như bà D, ông D1 khai thì ông K và bà L còn 01 người con tên Nguyễn Văn Mới, không biết sinh năm mấy, chết 1968. Khi chết thì ông Mới không có vợ và con. Về diện tích 14.672m² gồm 04 thửa 165, 166, 167, 197 thì ông D7 đồng ý toàn bộ phần trình bày và yêu cầu của ông D1, không đồng ý toàn bộ phần trình bày của bà D, bà D3, bà D2 và bà D6. Các anh em có họp gia đình ngày 28-08-2012 và ghi biên bản nhưng vắng mặt bà D2 nên bà D3 ký tên thay bà D2. Ông D7 không có yêu cầu độc lập trong vụ án này, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Bà D, bà D3, bà D2, bà D6, ông D1 thống nhất ông K và bà L còn có 01 người con chung tên Nguyễn Văn Mới như lời khai của ông D7. Không ai yêu cầu giám định chữ ký đối với biên bản họp gia đình ngày 28-08-2012. Các đương sự thống nhất kết quả mảnh trích đo địa chính số 45-2020 ngày 06-11-2019 của Trung tâm quy hoạch điều tra tài nguyên môi trường biển khu vực phía Nam được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Huệ duyệt ngày 14-01-2020 (sau đây gọi tắt là mảnh trích đo địa chính số 45-2020); đồng ý kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06-11-2019 và đồng ý kết quả định giá tài sản ngày 19-02-2020 với giá trị đất ở là 180.000 đồng/m², đất BHK 70.000 đồng/m, đất lúa 80.000 đồng/m².

Bà D cho rằng bà L không chuyển nhượng thửa đất 167 cho ông D1 nhưng trước đây vì muốn thỏa thuận với ông D1 để giải quyết chia thừa kế của bà L nên bà thừa nhận bà L có bán đất cho ông D1 và ông D1 trả được 7.700.000 đồng tại biên bản hòa giải ngày 03-8-2018 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh Bắc. Bà tiếp tục yêu cầu chia thừa kế tài sản của bà L là diện tích đất 14.672m² thành 07 phần bằng nhau cho 07 người con của bà L, bà Lê Thị D nhận một suất 2.096m² đất.

Ông D1 và bà H do bà Nguyễn Thị Chân H1 đại diện trình bày: Ông D1 rút lại yêu cầu phản tố về nội dung yêu cầu công nhận toàn bộ diện tích 14.672m² gồm 04 thửa 165, 166, 167, 197 là tài sản của ông D1, bà H. Biên bản họp gia đình ngày 28-8-2012 không có mặt bà D2 mà bà D3 ký tên thay bà D2. Thửa đất 167 bà L bán giá 14.000.000 đồng, ông D1 đã trả cho bà L 5.000.000 đồng khi còn sống. Sau khi bà L chết, ông D1 trả tiếp 2.700.000 đồng bằng hình thức góp tiền xây mồ mã. Ông D1 yêu cầu nhận quyền sử dụng diện tích đất tương ứng với số tiền 7.700.000 đồng và phần diện tích đất bà L đã cho ông D1 khi còn sống là diện tích nhà ông đang ở hiện nay. Phần diện tích còn lại

đồng ý chia thành 08 phần cho 07 người con của bà L. Ông D1 yêu cầu nhận 02 phần vì ông có công sức giữ gìn đất, những người còn lại mỗi người 01 phần. Bà H không có yêu cầu độc lập về việc các đương sự còn lại yêu cầu chia thừa kế của bà L.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị D3, Lê Thị D2, Lê Thị D6, Lê Quang D4 (do bà Đỗ Thị D5) đại diện trình bày:*

Không có ý kiến về việc ông D1 rút nội dung yêu cầu phản tố, không đồng ý yêu cầu chia cho ông D1 diện tích đất tương ứng với số tiền 7.700.000 đồng và diện tích nền nhà. Bà D3, bà D2, bà D6 sinh sống ở xa, chỉ biết bà L tạm cho ông D1 đất cất nhà ở riêng, không biết bà L có bán thửa đất 167 cho ông D1 như lời ông D1 trình bày hay không, không có việc ông D1 trả 2.700.000 đồng bằng hình thức xây mồ mã. Bà D3, bà D2, bà D6, ông D4 giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của bà L thành 07 phần bằng nhau, mỗi người yêu cầu nhận một 01 suất bằng 2.096m² đất.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu ý kiến: Tổng diện tích đất 14.672m² gồm 04 thửa 165, 166, 167, 197 là di sản thừa kế của bà L để lại chưa chia. Bà L chết không để lại di chúc. Ông D1 cho rằng đã nhận chuyển nhượng thửa đất 167 và đã trả 7.700.000 đồng gồm trả cho bà L 5.000.000 đồng và sau khi bà L chết trả thêm bằng hình thức góp tiền xây mồ mã là không có căn cứ vì chỉ có lời trình bày, không thể hiện bằng hợp đồng chuyển nhượng theo quy định pháp luật Bà D không được những người còn lại ủy quyền nhưng vì muốn thỏa thuận với ông D1 nên tự ý thừa nhận bà L bán thửa đất 167 cho ông D1. Biên bản họp gia đình ngày 28-8-2012 không thể hiện sự tự định đoạt của tất cả các con bà L, không có giá trị pháp lý để xác lập quyền sử dụng đất cho ông D1 vì chính ông D1 cho rằng bà D3 vắng mặt, bà D2 ký tên thay nhưng bà D2 không thừa nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D, chia tổng diện tích đất 14.672m² gồm 04 thửa 165, 166, 167, 197 thành 07 phần bằng nhau, bà D được hưởng 01 phần 2.096m².

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, thời gian chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Bà L chết không để lại di chúc. Thửa đất 167 bà L đã chuyển nhượng cho bà D1 nhưng ông D1 chỉ trả một phần tiền 5.000.000 đồng có cơ sở vì chính bà D đã thừa nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử xác định tương ứng với diện tích đất để công nhận và chia cho ông D1. Diện tích nền nhà giao cho ông D1 vì đã quản lý, sử dụng từ năm 1995 đến nay. Phần diện tích còn lại xác định là di sản thừa kế để chia đều thành 07 phần cho 07 người con của bà L. Ông D7 không nhận thì giao phần của ông D7 cho ông D1 tiếp tục quản lý, sử dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 609, 610, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự để giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà D, bà D3, bà D2, bà D6, ông D4 yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Huỳnh Thị L. Ông D1, bà H tranh chấp quyền sử dụng đất với bà D, bà D3, bà D2, bà D6, ông D4. Đối tượng tranh chấp là 04 thửa đất 165, 166, 167, 197 tổng diện tích 14.672m^2 tờ bản đồ số 01 xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Theo quy định tại các khoản 5, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

[2]. Ông Lê Văn D7 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Các đương sự chỉ yêu cầu giải quyết về đất, không yêu cầu giải quyết về các tài sản trên đất gồm nhà, công trình phụ và cây trồng nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết về đất và tính án phí trên giá trị quyền sử dụng đất.

[4]. Nội dung các bên thống nhất: Ông Lê Văn K (sinh năm 1925, chết ngày 24-5-1994) và bà Huỳnh Thị L (sinh năm 1928, chết ngày 24-3-2004) có 08 người con gồm: Lê Văn Mới (không biết năm sinh, chết năm 1968, khi chết không có vợ con), Lê Thị D2, Lê Thị D3, Lê Văn D7, Lê Văn D8 (chết ngày 13-3-2004 có 01 con là Lê Quang D4), Lê Thị D, Lê Văn Vũ D1 và Lê Thị D6. Ngoài ra, ông K, bà L không có con nuôi, con ngoài giá thú nào khác. Cha mẹ ruột của ông K và cha mẹ ruột bà L đều chết trước ông K, bà L nhưng không xác định được năm chết. Bà L chết không để lại di chúc. Khi còn sống, bà L được Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 458091, sổ vào sổ 00682QSDĐ/0602-LA ngày 15-12-1997 đối với 04 thửa đất 165, 166, 167, 197 tờ bản đồ số 01 xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, tổng diện tích 14.672m^2 . Bà L chết không để lại nghĩa vụ về vụ tài sản phải thanh toán. Toàn bộ diện tích đất ông D1, bà H đang quản lý, sử dụng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L bà D đang giữ. Năm 1995 bà L cho ông D1, bà H đất là cho tạm, không xác định diện tích cụ thể, không biết thừa số mấy. Căn nhà trên thửa đất 197 hiện nay ông D1 cất từ năm 2015 trên nền nhà cũ của bà L (bà L sinh sống cùng vợ chồng ông D8 trước khi chết). Nhà ông D1 cất trên đất bà L cho tạm đã sập, không còn trên thực tế. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đó là những tình tiết không phải chứng minh.

[5]. Tại phiên tòa, ông D1 và bà H rút lại nội dung khởi kiện (phản tố) về việc yêu cầu công nhận toàn bộ diện tích 14.672m^2 thuộc quyền sử dụng của ông D1, bà H. Bà D, bà D3, bà D2, bà D6, ông D4 không có ý kiến gì về việc ông D1, bà H rút lại nội dung yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu phản tố "tranh chấp quyền sử dụng đất" của ông D1, bà H.

[6]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà D, bà D2, bà D3, bà D6, ông D4 về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản của bà L theo pháp luật là 14.672m² gồm 04 thửa đất 165, 166, 167, 197 thành 07 phần bằng nhau cho bà D, bà D2, bà D3, bà D6, ông D4, ông D1, ông D7 mỗi người hưởng 01 phần; đồng thời xét việc ông D1 yêu cầu được hưởng thửa 167 vì đã nhận chuyển nhượng của bà L, yêu cầu trừ diện tích nền nhà ông D1 đang ở ra, còn lại chia thành 08 phần bằng nhau cho mỗi người 01 phần, riêng ông D1 được hưởng 02 phần như sau:

[6.1]. Bà L chết ngày 24-3-2004, không để lại di chúc. Ông D8 chết trước bà L (ngày 13-3-2004) nên xác định những người thừa kế theo pháp luật của bà L gồm 07 người: bà D, bà D3, bà D2, ông D7, ông D1, bà D6, ông D4 (thừa kế thế vị từ ông D8) theo quy định tại Điều 651 và Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6.2]. Biên bản họp gia đình ngày 28-8-2012 không thể hiện sự tự thỏa thuận của tất cả những người có tên trong biên bản. Điều này được chính ông D1 thừa nhận, phù hợp với lời khai của ông D7 là bà D3 ký tên thay bà D2. Nhưng bà D3 và bà D2 không thừa nhận, cũng không có giấy ủy quyền thể hiện bà D3 được đại diện để ký thay bà D2. Nên không thể căn cứ vào biên bản họp gia đình ngày 28-8-2012 xác định bà D, bà D3, bà D2, bà D6, ông D4 từ chối nhận di sản thừa kế của bà L.

[6.3]. Thửa đất 167, diện tích 4.313 m², ông D1 cho rằng bà L đã chuyển nhượng cho ông D1 là có cơ sở chấp nhận một phần vì: phù hợp với lời khai của bà D tại biên bản hòa giải ngày 03-8-2018 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh Bắc và lời khai của ông D7. Trong khi bà D3, bà D2, bà D6 đều khai ở xa, không biết bà L có chuyển nhượng thửa đất 167 cho ông D1 hay không. Quá trình ông D1, bà H sử dụng đất cũng không ai có ý kiến gì. Vì vậy việc bà D cho rằng vì muốn thỏa thuận giải quyết vụ việc cho xong nên nói theo ý kiến của ông D1 là không có cơ sở chấp nhận. Tại phiên tòa, ông D1 thừa nhận chỉ trả cho bà L 5.000.000 đồng, sau khi bà L chết thì trả thêm cho các anh chị em 2.700.000 đồng bằng hình thức đóng góp tiền xây mộ mã thì các đương sự khác không thừa nhận. Do đó chỉ chấp nhận bà L thỏa thuận chuyển nhượng tổng diện tích 4.313 m² với giá 14.000.000 đồng nhưng ông D1 đã trả 5.000.000 đồng, tương ứng 35,71% diện tích 4.313 m² nên khi chia di sản thừa kế của bà L phải trừ ra diện tích tương ứng với phần giá trị đã thanh toán là 1.540 m² đất thuộc thửa 167 cho ông D1.

[6.4]. Xác định di sản thừa kế của bà L để lại gồm các thửa đất 165, 166, 197 và một phần thửa 167 (sau khi trừ 1.540 m²). Tổng giá trị tài sản theo định giá là: 1.063.680.000 đồng (cách tính: 1.186.880.000 đồng – (1.540m² x 80.000 đồng) = 1.063.680.000 đồng). Xác định số kỷ phần phải chia là 07, giá trị mỗi kỷ phần là 151.954.285 đồng (đã làm tròn số).

[6.5]. Bà D, bà D3, bà D2, bà D6, đại diện hợp pháp của ông D4 đều khai có nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp nên chia di sản bằng hiện vật. Từ vị trí các thửa đất trên thực tế thì phải chia đất theo chiều dọc để đảm bảo có đường tưới nước, tiêu nước

trong canh tác. Tuy nhiên diện tích đất chia phải đảm bảo đủ diện tích tối thiểu tách thửa theo quy định tại Quyết định số 75/2019/QĐ-UBND ngày 31-12-2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An. Vì vậy có quy đổi về giá trị để người nào nhận đất giá trị nhiều hơn phải hoàn trả lại giá trị chênh lệch thửa cho người được nhận đất có giá trị ít hơn.

[6.6]. Ông D1 canh tác lúa và trồng cây trên diện tích đất là di sản do bà L để lại từ năm 2004 đến nay là 16 năm. Diện tích đất được thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L là đất lúa và đất BHK (trồng cây hàng năm khác), không phải đất hoang. Như vậy ông D1 đã hưởng lợi tức từ việc khai thác tài sản do bà L để lại tức là quyền lợi của ông D1 trong việc gìn giữ tài sản đã được đảm bảo nên không xem xét phải tính cho ông D1 một phần công sức bảo quản di sản.

[6.7]. Như nhận định tại mục [6.3], công nhận để chia cho ông D1 1.540 m² thuộc một phần thửa 167 (khu A1 của phụ lục ngày 15-9-2020 kèm theo Mảnh trích đo địa chính số 45-2020).

[6.8]. Chia cho bà D3 1.387 m² thuộc một phần thửa 167, (khu A3 của phụ lục ngày 15-9-2020 kèm theo Mảnh trích đo địa chính số 45-2020), giá trị: 110.960.000 đồng, chênh lệch thiếu 40.994.285 đồng so với giá trị kỷ phần được hưởng thừa kế.

[6.9]. Chia cho bà D2 diện tích 1.386 m² thuộc một phần thửa 167, (khu A2 của phụ lục ngày 15-9-2020 kèm theo Mảnh trích đo địa chính số 45-2020), giá trị: 110.880.000 đồng, chênh lệch thiếu 41.074.285 đồng so với giá trị kỷ phần được hưởng thừa kế.

[6.10]. Diện tích đất thổ thửa 197 có nhà của ông D1 nên chia cho ông D1 trọn 400 m² đất thổ khu A5 thuộc một phần thửa 197 có giá trị 72.000.000 đồng và khu A7 diện tích 1.368 m² có giá trị 109.440.000 đồng. Cộng khu A5 và A7 giá trị 181.440.000 đồng thì ông D1 hưởng chênh lệch thửa là 29.485.715 đồng so với giá trị kỷ phần được hưởng thừa kế.

[6.11]. Ông D7 yêu cầu giải quyết vụ án theo pháp luật, không có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập cũng không có văn bản từ chối nhận thừa kế của bà L nên kỷ phần mà ông D7 được hưởng giao cho ông D1 tiếp tục quản lý sử dụng. Nếu sau này giữa ông D7 và ông D1 có phát sinh tranh chấp thì giành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác. Chia cho ông D7 khu A8 diện tích 1.368 m² có giá trị 109.440.000 đồng (giao cho ông D1 tiếp tục quản lý sử dụng). Phần ông D7 chênh lệch thiếu 42.514.285 đồng so với giá trị kỷ phần được hưởng thừa kế.

[6.12]. Chia cho bà D6 khu A4 diện tích 1.248 m² thuộc thửa 197, loại đất BHK giá trị 87.360.000 đồng và khu A9 diện tích 1.368 m² loại đất LUC thuộc một phần thửa 166 giá trị 109.440.000 đồng. Cộng khu A4 và khu A9 giá trị 196.880.000 đồng, chênh lệch thửa 44.845.715 đồng so với giá trị kỷ phần được hưởng thừa kế.

[6.13]. Chia cho bà D khu A6 diện tích 1.440m² thuộc thửa 197, loại đất BHK giá trị 100.800.000 đồng và khu A10 diện tích 1.369 m² thuộc một phần thửa 166 loại đất LUC giá trị 109.520.000 đồng. Cộng khu A6 và khu A10 giá trị 210.320.000 đồng, chênh lệch thừa 58.365.715 đồng so với giá trị kỷ phần được hưởng thừa kế.

[6.14]. Chia cho ông D4 thửa 165 diện tích 1.798 m² giá trị 143.840.000 đồng, chênh lệch thiếu 8.114.285 đồng so với giá trị kỷ phần được hưởng thừa kế.

[6.15]. Bà D6, bà D, ông D1 phải có nghĩa vụ trả cho bà D3, bà D2, ông D4, ông D7 tiền chênh lệch thừa. Sau khi khấu trừ chênh lệch giá trị giữa các kỷ phần: bà D phải trả cho bà D3 40.994.285 đồng, trả cho ông D4 8.114.285 đồng, trả cho bà D2 9.257.145 đồng. Bà D6 phải trả cho bà D2 31.817.145 đồng. Trả cho ông D7 13.028.570 đồng (giao cho ông D1 quản lý). Ông D1 tiếp tục quản lý kỷ phần mà ông D7 bị chênh lệch thiếu là 29.485.715 đồng.

[7]. Với những nhận định trên, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ là có cơ sở chấp nhận.

[8]. Cũng với những nhận định trên thì lời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D chỉ có cơ sở chấp nhận một phần.

[9]. Về lệ phí đo vẽ và chi phí thẩm định, định giá tài sản: tổng cộng 10.459.000 đồng. Bà D, bà D3, bà D2, bà D6, ông D4 mỗi người phải chịu 1.494.142 đồng, ông D1 phải chịu 2.988.284 đồng (vì hưởng 01 kỷ phần của ông D1 và được giao quản lý kỷ phần của ông D7).

[10]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

[10.1]. Ông D1 phải chịu 13.757.714 đồng (cách tính: [1.540m² x 80.000 đồng + 151.954.285 đồng] x 5% = 13.757.714 đồng) cộng phần của ông D7 giao cho ông D1 quản lý là 7.597.714 đồng (151.954.285 đồng x 5%). Tổng cộng ông D1 phải chịu 21.355.482 đồng án phí.

[10.2]. Bà D, bà D3, bà D2, bà D6, ông D4 mỗi người phải chịu 7.597.714 đồng án phí dân sự sơ thẩm (cách tính: 151.954.285 đồng x 5% = 7.597.714 đồng).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 5, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 228, Điều 244 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 357, 609, 611, 612, 613, 614, 649, 650, 651, 652, 660 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 100, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D, bà Lê Thị D3, bà Lê Thị D2, ông Lê Quang D4, bà Lê Thị D6 về việc “tranh chấp về thừa kế tài sản” với nội dung yêu cầu ông Lê Văn Vũ D1, bà Lưu Thị Thanh H chia thừa kế tài sản của bà Huỳnh Thị L.

- Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Lê Văn Vũ D1 và bà Lưu Thị Thanh H về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất" đối với bà Lê Thị D, bà Lê Thị D3, bà Lê Thị D2, ông Lê Quang D4, bà Lê Thị D6.

- Chia cho ông Lê Văn Vũ D1 1.540 m² (khu A1) loại đất LUC thuộc một phần thửa 167, 400 m² (khu A5) loại đất ONT thuộc một phần thửa 197 và 1.368 m² (khu A7) loại đất LUC thuộc một phần thửa 166. Tất cả thuộc tờ bản đồ số 1 xã Mỹ Thạnh Bắc. Độ dài cụ thể của từng cạnh và vị trí tiếp giáp từng khu như sau:

Khu A1:

Đông giáp thửa 197 (khu A4, dài 39m) và thửa 166 (khu A7, dài 87,5m).

Tây giáp thửa 167 phần còn lại (khu A2), dài 127,1m.

Nam giáp kênh, dài 12,4m.

Bắc giáp thửa 137, dài 12,3m.

Khu A5:

Đông giáp thửa 197 phần còn lại (khu A6), dài 34,3m.

Tây giáp thửa 197 phần còn lại (khu A4), dài 32,3m.

Nam giáp kênh, dài 12,3m.

Bắc giáp thửa 197 phần còn lại (khu A4), dài 12m.

Ranh đất ONT cách tường 2 bên nhà (hướng đông và hướng tây) mỗi bên 1,2m, cách tường phía sau nhà (hướng bắc) 2,5m.

Khu A7:

Đông giáp thửa 166 phần còn lại (khu A8), dài 82,5m.

Tây giáp thửa 167 (khu A1), dài 87,5m.

Nam giáp thửa 197 (khu A4), dài 15,2m.

Bắc giáp thửa 137, dài 17,4m.

- Giao cho ông D1 quản lý 1.387m² đất LUC (khu A8) thuộc một phần thửa 166 tờ bản đồ số 1 xã Mỹ Thạnh Bắc là tài sản mà ông D7 được hưởng thừa kế từ bà L. Độ dài cụ thể của từng cạnh và vị trí tiếp giáp như sau:

Đông giáp thửa 166 phần còn lại (khu A9), dài 77,3m.

Tây giáp thửa 166 phần còn lại (khu A7), dài 82,5m.

Nam giáp thửa 197 (khu A4), dài 16,1m.

Bắc giáp thửa 137, dài 18,5m.

- Bà Lê Thị D3 được chia 1.387m² đất LUC (khu A3) thuộc một phần thửa 167 tờ bản đồ số 1 xã Mỹ Thạnh Bắc. Độ dài cụ thể của từng cạnh và vị trí tiếp giáp như sau:

Đông giáp thửa 167 phần còn lại (khu A2), dài 128,2m.

Tây giáp thửa 168, 194, dài 122,1m.

Nam giáp kênh, dài 9,7m.

Bắc giáp thửa 137, 135, dài 7,7m + 0,9m + 7,6m.

- Bà Lê Thị D2 được chia 1.386m² đất LUC (khu A2) thuộc một phần thửa 167 tờ bản đồ số 1 xã Mỹ Thạnh Bắc. Độ dài cụ thể của từng cạnh và vị trí tiếp giáp như sau:

Đông giáp thửa 167 phần còn lại (khu A1), dài 127,1m.

Tây giáp thửa 167 phần còn lại (khu A3), dài 128,2m.

Nam giáp kênh, dài 9,7m.

Bắc giáp thửa 137, dài 12,4m.

- Bà Lê Thị D6 được chia 1.248 m² (khu A4) đất BHK thuộc một phần thửa 197 và 1.368 m² (khu A9) đất LUC thuộc một phần thửa 166. Tất cả thuộc tờ bản đồ số 1 xã Mỹ Thạnh Bắc. Độ dài cụ thể của từng cạnh và vị trí tiếp giáp từng khu như sau:

Khu A4:

Đông giáp thửa 197 phần còn lại (khu A5, dài 32,3m) và (khu A6, dài 15,9m).

Tây giáp thửa 167 (khu A1), dài 39m.

Nam giáp kênh, dài 23,9m.

Bắc giáp thửa 166 (khu A7, dài 15,2m), (khu A8, dài 16,1m), (khu A9, dài 7,2m).

Khu A9:

Đông giáp thửa 166 phần còn lại (khu A10), dài 71,8m.

Tây giáp thửa 166 phần còn lại (khu A8), dài 77,3m.

Nam giáp thửa 197 (khu A4, dài 7,2m) và (khu A6 dài 10,1m).

Bắc giáp thửa 137, dài 19,7m.

- Bà Lê Thị D được chia 1.440 m² (khu A6) đất BHK thuộc một phần thửa 197 và 1.369 m² (khu A10) đất LUC thuộc một phần thửa 166. Tất cả thuộc tờ bản đồ số 1 xã Mỹ Thạnh Bắc. Độ dài cụ thể của từng cạnh và vị trí tiếp giáp từng khu như sau:

Khu A6:

Đông giáp thửa 200, dài 58,7m.

Tây giáp thửa 197 phần còn lại (khu A5, dài 34,3m) và (khu A4, dài 15,9m).

Nam giáp kênh, dài 25,5m.

Bắc giáp thửa 166 (khu A9, dài 10,1m) và (khu A10, dài 18,9m).

Khu A10:

Đông giáp thửa 165, dài 66m.

Tây giáp thửa 166 phần còn lại (khu A9), dài 71,8m.

Nam giáp thửa 197 (khu A6), dài 18,9m.

Bắc giáp thửa 137, dài 21,3m.

- Ông Lê Quang D4 được chia 1.798 m² đất LUA thửa 165, tờ bản đồ số 1 xã Mỹ Thạnh Bắc. Độ dài cụ thể của từng cạnh và vị trí tiếp giáp như sau:

Đông giáp thửa 163, dài 42,1m.

Tây giáp thửa 166 (khu A10), dài 66m.

Nam giáp thửa 200, dài 15,8m + 9,3m.

Bắc giáp thửa 163, dài 10,3m + 18,4m.

Độ dài cụ thể từng cạnh và vị trí tiếp giáp của từng khu A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8, A9, A10 theo mảnh trích đo địa chính số 45-2020 ngày 06-11-2019 của Trung tâm quy hoạch điều tra tài nguyên môi trường biển khu vực phía Nam được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Đức Huệ duyệt ngày 14-01-2020 và phụ lục ngày 15-9-2020 kèm theo mảnh trích đo địa chính số 45-2020 (được đính kèm theo bản án).

Buộc ông D1 và bà H (đang quản lý, sử dụng đất) phải: giao 1.387m² đất LUC (khu A3) cho bà D3, giao 1.386m² đất LUC (khu A2) cho bà D2, giao 1.248 m² đất BHK (khu A4) và 1.368 m² đất LUC (khu A9) cho bà D6, giao 1.440 m² đất BHK (khu A6) và 1.369 m² đất LUC (khu A10) cho bà D, giao 1.798 m² đất LUC thuộc thửa 165, tờ bản đồ số 1 xã Mỹ Thạnh Bắc cho ông D4 (toàn bộ diện tích đất này bà Huỳnh Thị L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 458091, sổ vào sổ 00682QSDĐ/0602-LA ngày 15-12-1997 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ cấp).

Bà Lê Thị D, bà Lê Thị D3, bà Lê Thị D2, ông Lê Quang D4, bà Lê Thị D6, ông Lê Văn Vũ D1 có quyền và nghĩa vụ kê khai, đăng ký để được điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Buộc bà Lê Thị D phải trả cho bà Lê Thị D3, ông Lê Quang D4, bà Lê Thị D2 số tiền cụ thể như sau: trả cho bà D3 40.994.285 đồng (bốn mươi triệu, chín trăm chín mươi bốn nghìn, hai trăm tám mươi lăm đồng), trả cho ông D4 8.114.285 đồng (tám triệu, một trăm mười bốn nghìn, hai trăm tám mươi lăm đồng), trả cho bà D2 9.257.140 đồng (chín triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn, một trăm bốn mươi đồng).

- Buộc bà Lê Thị D6: phải trả cho bà Lê Thị D2 31.817.140 đồng (ba mươi một triệu, tám trăm mười bảy nghìn, một trăm bốn mươi đồng); phải trả cho ông Lê Văn Vũ D1 13.028.570 đồng (mười ba triệu, không trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm bảy mươi đồng) và giao cho ông D1 quản lý.

- Ông D1 được tiếp tục quản lý phần chênh lệch thừa của ông D7 là 29.485.715 đồng (hai mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm mười lăm đồng).

2. Về lệ phí đo vẽ và chi phí thẩm định, định giá: Bà D, bà D3, bà D2, bà D6, ông D4 mỗi người phải chịu 1.494.142 đồng (đã nộp tạm ứng và chi phí xong). Ông D1 phải chịu 2.988.284 đồng (bà D và bà D6 đã nộp tạm ứng và chi phí xong) nên buộc ông D1 phải trả cho bà D 2.505.858 đồng (hai triệu, năm trăm lẻ năm nghìn, tám

trăm năm mươi tám đồng), buộc ông D1 phải trả cho bà D6 482.426 đồng (bốn trăm tám mươi hai nghìn, bốn trăm hai mươi sáu đồng).

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự:

- Ông D1 phải chịu 21.355.482 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ với 10.000.000 tiền tạm ứng án phí ông D1 đã nộp theo biên lai thu số 0004576 ngày 12-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ. Ông D1 còn phải nộp 11.355.482 đồng (mười một triệu, ba trăm năm mươi lăm nghìn, bốn trăm tám mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Lê Thị D, bà Lê Thị D3, bà Lê Thị D2, bà Lê Thị D6, ông Lê Quang D4 mỗi người phải chịu 7.597.714 đồng (bảy triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn, bảy trăm mười bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Mỗi người đã nộp 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm (theo các biên lai thu số 0004488, 0004505, 0004506, 0004507, 0004508, ngày 10-4-2019 và ngày 25-4-2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Khấu trừ án phí với tiền tạm ứng án phí. Bà D, bà D3, bà D2, bà D6, ông D4 mỗi người phải nộp tiếp 6.097.714 đồng (sáu triệu, không trăm chín mươi bảy nghìn, bảy trăm mười bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Đường sự;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên